

Bản án số: 48/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17/11/2020

V/v : Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH**

- T *phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tiên Mãn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Dung

Ông Nguyễn Trọng Tảo

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2020/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị B - Sinh năm 1997.

Địa chỉ: Xóm 23, xã Yên Đồng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Long G - Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Xóm 23, xã Yên Đồng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị B, vắng mặt anh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Lê Thị B trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Long G vào ngày ngày 27/11/2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Đồng huyện Ý Yên tỉnh Nam Định. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 12 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình, quan điểm sống của vợ chồng trái ngược nhau. Anh G không tu chí làm ăn, chơi bời, không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau. Chị và anh G đã ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay. Chị xác

định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị và anh G có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 24/11/2016. Hiện nay cháu đang ở với chị nên chị có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 26/10/2020 bị đơn anh Nguyễn Long G trình bày: Anh và chị Lê Thị B chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Đồng vào năm 2015. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng anh sống cùng với bố mẹ nên nhiều khi có sự đố kỵ lẫn nhau, chị B nhiều khi không hài lòng về bố mẹ chồng có phản nản với anh nhưng do là người đứng giữa rất khó xử nên mỗi lần chị B phản nản về bố mẹ chồng anh chỉ biết im lặng do vậy chị B cho rằng anh không quan tâm gì đến vợ con. Đến tháng 8/2020 vợ chồng có chút mâu thuẫn nhỏ nên chị B đã bế con và hôm sau thu xếp quần áo bỏ về nhà mẹ đẻ. Anh đã đến nhà mẹ vợ nhờ khuyên bảo chị B quay về nhưng gia đình bên ngoại không có ý kiến gì, chị B thì nhất quyết không quay về chung sống với anh. Nay chị B làm đơn xin ly hôn, anh không đồng ý vì nghĩ đến con cái.

Về con chung: Anh và chị B có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 24/11/2016. Hiện nay cháu đang ở với chị B, nếu chị B nhất quyết ly hôn, anh đồng ý để chị B nuôi con, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Không có, anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã về xác minh tại gia đình và địa phương được biết: Anh Nguyễn Long G và chị Lê Thị B chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Đồng vào năm 2015. Sau khi kết hôn anh G và chị B sống cùng bố mẹ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ ngày 07/8/2020 ông Nguyễn Đình D là bố đẻ anh G có tát nhẹ cháu T là con của anh G chị B nên chị B không hài lòng. Khi ông D cho tiền cháu T, chị B đã cầm kéo cắt nát tiền của ông D. Do bức tức nên anh G đã tát chị B một cái, sau đó chị B đã gọi chú ruột lên để xin về nhà mẹ đẻ, hôm sau chị B quay về nhà chồng thu xếp toàn bộ quần áo đồ đạc về nhà mẹ đẻ và vợ chồng anh chị chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ đó đến nay. Nay chị B làm đơn xin ly hôn anh G, gia đình ông D nhất trí. Anh G và chị B có 01 con chung là cháu

Nguyễn Đình T, sinh ngày 24/11/2016. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh G và chị B không có gì chung với nhau.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị B, xử ly hôn giữa chị Lê Thị B và anh Nguyễn Long G.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 24/11/2016 cho chị Lê Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh G cho chị B mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong hôn nhân, chị B anh G xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét. Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng định kỳ nuôi con chị Lê Thị B và anh Nguyễn Long G phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị B thì Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn anh Nguyễn Long G cư trú tại huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Long G tham gia phiên tòa ngày 13/11/2020 nhưng anh G vắng mặt không có lý do. Để mở lại phiên tòa này, Tòa án tiếp tục thực hiện việc tổng đạt đầy đủ, hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa lần hai nhưng anh G vẫn vắng mặt. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Lê Thị B và anh Nguyễn Long G được xác lập vào ngày 27/11/2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Đồng huyện Ý Yên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong cuộc sống anh chị chưa thực sự hiểu, thông cảm và chia sẻ với nhau nên dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Anh chị đã ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 7/2020 đến nay. Quá trình làm việc với Tòa án và tại phiên tòa chị B luôn khẳng định không còn tình cảm với anh G, có quay về chung sống thì cuộc sống vợ chồng cũng không có hạnh phúc nên chị vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị B, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Xét yêu cầu của chị B về việc được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 24/11/2016. Hội đồng xét xử xét thấy anh, chị có một con chung, sau khi sống ly thân, cháu T do chị B trực tiếp nuôi dưỡng; anh G có quan điểm nếu phải ly hôn thì anh đồng ý để chị B tiếp tục nuôi dưỡng con chung, do vậy cần giao chị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu T là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của anh G cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Chị B và anh G có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị B, anh G xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Lê Thị B và anh Nguyễn Long G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng định kỳ nuôi con theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Lê Thị B và anh Nguyễn Long G.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 24/11/2016 cho chị Lê Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh G cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B mỗi tháng là 2.000.000 (hai triệu) đồng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và tự lập được.

Không ai được cản trở, quyền nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong hôn nhân: Chị B, anh G xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị B phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị B đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001522 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Chị B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Về án phí cấp dưỡng định kỳ nuôi con, anh Nguyễn Long G phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Long G vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Tiến Mãn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Tâm

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Tiến Mãn

